

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 28/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tần A Nao

Bà Lò Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Minh Quế - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 15/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn G**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 27/10/1981; Tại: Tam Đường, Lai Châu;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Lào; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Lò Văn P, đã chết; Con bà Lò Thị C, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị em ruột. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Vợ thứ nhất: Vàng Thị B, sinh năm 1986 (Đã ly hôn); Vợ thứ hai: Lò Thị C, sinh năm 1981; Con: Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/4/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Lai Châu xử phạt 10 năm 06 tháng tù giam về tội Cướp tài sản và Chiếm đoạt vật liệu nổ, chấp hành hình phạt tù từ ngày 16/12/2008 đến 16/6/2017 chấp hành xong hình phạt. Đã được xóa án tích.

Bị cáo Lò Văn G bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2021, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý, theo dõi cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn G: Ông Phan Văn Nt – Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt)

- Bị hại: Anh Vàng Văn S, sinh năm 1974. Địa chỉ: bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 Trú tại: Bản T1, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Lai Châu. (có mặt)

2. Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn B, phường 12, quận 4, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Tuấn A, chức vụ Giám đốc Trung tâm an ninh-V. Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền: Anh Lò Văn T, sinh năm 1989. Trú tại: Bản N, xã N1, huyện M, tỉnh S (vắng mặt có lý do)

3. Chị Lò Thị C, sinh năm 1981. Trú tại: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân Lò Văn G, sinh năm 1981, trú tại bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu biết gia đình nhà ông Vàng Văn S, sinh năm 1974 ở cùng bản (là anh ruột cùng cha khác mẹ với G) có một số đồ trang sức làm của hồi môn cho con gái là Lò Thị P trước khi lấy chồng, lợi dụng sơ hở cả gia đình nhà ông Vàng Văn S đi vắng không có ai ở nhà. Vào khoảng 9 giờ, ngày 07/3/2021, Lò Văn G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 25B1-305.88 (là tài sản chung của hai vợ, chồng G mua trả góp của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V thời hạn trả góp là 12 tháng từ ngày 15/01/2020 đến 15/01/2021 nhưng chưa thanh toán hợp đồng theo quy định) đi đến nhà ông S, G dựng xe mô tô ở sân trước cửa nhà, đi bộ theo lối vào cửa phụ bên trái của căn nhà (do cửa không khóa mà chỉ khép hờ), G mở cửa, đi vào trong nhà rồi lên gác xếp phòng ngủ của chị Lò Thị P, sinh năm 1996 (con gái ông S). Tại phòng ngủ của chị P, G quan sát thấy hai chiếc hòm (theo người địa phương thường gọi là *Cúm*) đựng quần áo được đan bằng mây, tre không có khóa mà chỉ có nắp đậy bên trên, đặt sát tường, cạnh đầu đệm ngủ, G mở nắp chiếc hòm đặt gần sát với đệm ngủ, lục tìm dưới nhiều lớp quần áo đã gấp trong hòm thì thấy một hộp nhựa hình trái tim màu cam bên trong có 02 (hai) dây chuyền vàng, 03 (ba) nhẫn vàng và 01 (một) đôi hoa tai vàng. G lấy các dây chuyền, nhẫn và hoa tai bỏ vào trong túi quần trước bên trái mình đang mặc trên người, rồi cất hộp nhựa hình trái tim vào trong hòm và đóng nắp hòm lại như cũ rồi đi ra khỏi nhà, quay đầu và khởi động xe mô tô điều khiển quay ra đường cũ đi đến ngã ba đường liên bản rẽ đi bản N1, xã N, huyện T thì G dừng xe ở đường, rồi đi lên đồi chè của ông Lò Văn P, sinh năm 1959, ở bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, cất giấu các dây chuyền, nhẫn và hoa tai trộm cắp được vào trong một khóm dứa, bên cạnh cây keo, cách nhà ông Sôi 610 m. Sau khi cất giấu xong, Lò Văn G đi đến đám tang của Lò Văn C sinh năm 1997, ở bản N1, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày sau khi giúp đám tang xong, Giót điều khiển xe mô tô BKS: 25B1-305.88 đến vị trí giấu các dây chuyền, nhẫn và hoa tai trộm

cấp của gia đình ông Sòi trước đó, đem các tài sản này đến cửa hàng doanh nghiệp tư nhân vàng bạc L ở bản T1, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Lai Châu bán cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (T là con trai của chủ doanh nghiệp tư nhân vàng bạc L; anh T không biết đây là tài sản do G trộm cắp mà có) sau khi kiểm tra, cân tịnh xác định khối lượng xong, anh T trả số tài sản trên với giá 25.900.000 đồng; G đồng ý, sau khi nhận tiền Lò Văn G đã tiêu xài cá nhân hết 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu*), G cất giấu trong cốp xe mô tô BKS: 25B1-305.88.

Đến ngày 08/3/2021, do nghi ngờ Lò Văn G đã trộm cắp số tài sản trên, nên ông S đã gặp, hỏi G; G đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và đã đưa số tiền còn lại là 24.000.000 đồng cho ông Vàng Văn S (ông S đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra niêm phong theo quy định). Đối với: 02 (*hai*) dây chuyền, 03 (*ba*) nhẫn và 01 (*một*) đôi hoa tai đều bằng kim loại màu vàng sau khi làm việc với Cơ quan điều tra - Công an huyện Tam Đường, Nguyễn Văn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra niêm phong theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số: 1825/C09-P4 ngày 19/3/2021 của Viện khoa học hình sự (C09) - Bộ Công an, kết luận:

- 01 (*một*) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích hình hạt gạo nối với nhau, trên một mặt của móc khóa có chữ “TT”, mặt còn lại có chữ “CTU” gửi giám định có tổng khối lượng: 7,49 gam đều là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,56%; ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 0,44%.

- 01 (*một*) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích hình trái tim nối với nhau, trên một mặt của móc khóa có chữ “TT”, mặt còn lại có chữ “KDJ” gửi giám định có tổng khối lượng: 7,50 gam đều là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,58%; ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 0,42%.

- 02 (*hai*) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng đều được chế tác dạng nhẫn tròn trơn, mặt trong đều có chữ, số “T-T 9999 T-T 5” gửi giám định có tổng khối lượng 3,75 gam đều là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,83%; ngoài ra còn có bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 0,17%.

- 01 (*một*) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn được chế tác hình bông hoa bốn cánh có gắn 01 (*một*) viên đá không màu ở giữa, mặt trong nhẫn có chữ, số “SH 10K” và “HL” gửi giám định có tổng khối lượng: 1,47 gam (tính cả khối lượng đá) là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 41,54%, Ag: 8,26%, Cu: 45,55%, Zn: 4,65%.

- 01 (*một*) đôi hoa tai bằng kim loại màu vàng được chế tác 03 (*ba*) hình trái tim ghép vào nhau, trên mỗi hình trái tim đều có gắn 01 (*một*) viên đá không màu ở giữa, trong đó có một chiếc hoa tai đã bị mất khóa gửi giám định có tổng khối lượng: 1,40 gam (tính cả khối lượng đá) đều là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 40,82%, Ag: 5,46%, Cu: 42,99%, Zn: 10,73%.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 31/3/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Tam Đường, kết luận: Tổng số tài sản bị trộm cắp tại thời điểm ngày 07/3/2021, có tổng trị giá tài sản định giá là: 28.053.151 đồng (*Hai mươi tám triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, một trăm năm mươi một đồng*).

Tại bản Kết luận giám định số 340/KLGD-TL ngày 20/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Lai Châu kết luận: số tiền 24.000.000 đồng gồm: 08 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 100 tờ mệnh giá 200.000 đồng gửi giám định là tiền thật (*Hoàn lại đối tượng giám định*).

Bản cáo trạng số 15/CT - VKSTĐ ngày 03/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường đã truy tố Lò Văn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại ông Vàng Văn S trình bày: Ngày 16/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 02 (hai) dây chuyền, 03 (ba) nhẫn và 01 (một) đôi hoa tai cho ông Vàng Văn S nên không có yêu cầu gì thêm. Về hình phạt, bị hại ông Vàng Văn S đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lò Văn G. Đối với 01 hộp nhựa hình trái tim màu vàng cam là tài sản hợp pháp của bị hại bị thu giữ, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên yêu cầu không nhận lại.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T trình bày: Khi mua vàng do bị cáo Lò Văn G bán, anh T không biết đó là vàng do bị cáo trộm cắp mà có. Ngày 13/6/2021, anh T đã được nhận số tiền 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn*), đối với số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi tư triệu*) mà cơ quan điều tra đang tạm giữ là số tiền anh T đã trả cho bị cáo khi giao dịch mua bán vàng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh số tiền trên và anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm vấn đề gì.

Quá trình điều tra, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V là anh Lò Văn Tỏa trình bày: Ngày 15/01/2020, bị cáo Lò Văn Giót ký hợp đồng vay mua xe trả góp (xe mô tô BKS: 25B1-305.88) với công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V với tổng số tiền 24.882.425 đồng (Trong đó tiền mua xe gốc 17.000.000 đồng, tiền bảo hiểm dành cho người vay tín dụng 850.000 đồng, tiền lãi 6.888.425 đồng, phí dịch vụ thu hộ 144.000 đồng) trong thời hạn 12 tháng (Từ 15/01/2020 đến 15/01/2021), mỗi tháng trả 2.073.536 đồng. Bị cáo G mới trả được 2.097.535 đồng, còn nợ 22.784.890 đồng. Theo quy định của công ty về điều kiện cho vay đã được phổ biến cho khách hàng khi ký hợp đồng (hiện khoản nợ trên đã quá hạn, bị cáo Giót vi phạm hợp đồng nên công ty tài chính có quyền thu hồi lại xe mô tô BKS: 25B1-305.88 để đảm bảo thu hồi nợ. Do vi phạm hợp đồng nên khi công ty tài chính thu hồi lại được xe mô tô thì khoản tiền bị cáo G đã trả một phần trước đó không được trả lại cho bị cáo G. Do vậy, đề nghị trả lại chiếc xe mô tô BKS: 25B1-305.88 cho công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V. Tuy nhiên, trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tỏa đề nghị: công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô BKS: 25B1-305.88 cho chị Lò Thị C (vợ bị cáo) để sau khi bản án có hiệu lực bị cáo G và chị C sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lò Thị C trình bày: Chị Lò Thị C là vợ của bị cáo Lò Văn G. Chiếc xe mô tô BKS: 25B1-305.88 là tài sản chung của chị C và bị cáo G mua, đứng tên Lò Văn G và hiện đang vay trả góp

của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, vợ chồng chị C mới trả cho công ty tài chính được số tiền 2.097.535 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả hết. Bị cáo Lò Văn G lấy chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản chị C không biết. Hiện nay gia đình chị C rất khó khăn, chị C đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho chị C để chị C tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V. Ngoài ra chị C không có đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn G từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đến cơ sở giam giữ chấp hành hình phạt tù; Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết; chấp nhận đề nghị của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T về việc trả lại số tiền 24.000.000 đồng; Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Lò Thị C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 25B1 - 305.88; Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T số tiền 24.000.000 đồng; Tịch thu 01 Hộp nhựa hình trái tim màu vàng cam, nắp hộp có hoa văn màu vàng không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy; Về án phí: Bị cáo Lò Văn G được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 3 Bộ luật hình sự đối với Lò Văn G xử phạt Lò Văn G ở mức thấp của khung hình phạt. Đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo theo khoản 5 điều 173 BLHS; miễn án phí cho bị cáo, trả lại chiếc xe máy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ cho gia đình bị cáo. Trả số tiền 24.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo Lò Văn G không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Lò Văn G thể hiện việc nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Lò Văn G đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 9 giờ ngày 07/3/2021, Lò Văn G đã có hành vi trộm cắp: 02 (hai) dây chuyền, 03 (ba) nhẫn và 01 (một) đôi hoa tai đều bằng kim loại màu vàng có tổng giá trị là 28.053.151 đồng (*Hai mươi tám triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, một trăm năm mươi một đồng*) của gia đình ông Vàng Văn S, sinh năm 1974, trú tại bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, sau đó đem bán cho anh Nguyễn Văn T cửa hàng doanh nghiệp tư nhân vàng bạc L ở bản T1, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Lai Châu với giá 25.900.000 đồng, Lò Văn G đã tiêu sài cá nhân hết 1.900.000 đồng, Số tiền còn lại 24.000.000 đồng, G đưa lại cho ông Vàng Văn S. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và niêm phong số tiền và số tài sản mà G trộm cắp theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn G là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, hành vi của bị cáo Lò Văn G đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 20/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Lai Châu xử phạt 10 năm 06 tháng tù giam về tội Cướp tài sản và Chiếm đoạt vật liệu nổ, chấp hành hình phạt tù từ ngày 16/12/2008 đến 16/6/2017 chấp hành xong hình phạt. Đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm tự do, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Lò Văn G phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T đề nghị trả lại số tiền 24.000.000 đồng hiện đang bị tạm giữ: Tại phiên tòa, bị cáo và anh T chứng minh được số tiền 24.000.000 đồng hiện đang bị tạm giữ là số tiền xuất phát từ giao dịch dân sự giữa anh T và bị cáo, khi anh T mua vàng của bị cáo không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Hơn nữa, số vàng anh T mua của bị cáo, anh T đã giao nộp cho cơ quan điều tra và cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại. Do vậy, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và thuận lợi cho quá trình thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V: Xét thấy, chiếc xe mô tô BKS: 25B1-305.88 mang tên chủ sở hữu Lò Văn G là tài sản chung của bị cáo G và chị Lò Thị C, khi bị cáo G thế chấp chiếc xe để đảm bảo cho khoản vay trả góp tại công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V không làm mất đi quyền sở hữu đối với chiếc xe trên. Hơn nữa giao dịch giữa bị cáo và công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V là giao dịch dân sự. Bị cáo G vi phạm nghĩa vụ thanh toán với công ty tài chính thì công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V có quyền khởi kiện vụ án dân sự nếu có yêu cầu. Do vậy, việc công ty tài chính đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho chị Lò Thị C (vợ bị cáo) để sau khi bản án có hiệu lực bị cáo và chị C tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V là phù hợp.

[8] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Đối với 01 hộp nhựa hình trái tim màu vàng cam, nắp hộp có hoa văn màu vàng là tài sản hợp pháp của bị hại nhưng bị hại không có yêu cầu xin nhận lại, xét thấy đây là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 24.000.000 đồng là tiền bị cáo bán vàng cho anh Nguyễn Văn T mà có, như đã nhận định ở trên, khi mua vàng của bị cáo G anh T không biết số vàng trên là do bị cáo phạm tội mà có nên cần trả lại số tiền trên cho anh T là cần thiết.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ, đen, BKS: 25B1-305.88 xét thấy đây tài sản chung của bị cáo Lò Văn G và vợ là Lò Thị C, khi bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp chị C không biết hơn nữa gia đình bị cáo khó khăn, không có phương tiện đi lại và chiếc xe trên hiện đang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trả góp tại công ty tài chính nên cần trả

lại chiếc xe trên cho chị Lò Thị C để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V là phù hợp.

[9] Những vấn đề liên quan:

- Ngày 16/4/2021, Cơ quan điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐXLVC ngày 16/4/2021, trả lại toàn bộ số tài sản Lò Văn G đã trộm cắp, gồm: 02 (hai) dây chuyền, 03 (ba) nhẫn và 01 (một) đôi hoa tai cho chủ sở hữu hợp pháp ông Vàng Văn S, việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Đối với Nguyễn Văn T, ở bản T1, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Lai Châu đã mua 02 (hai) dây chuyền, 03 (ba) nhẫn và 01 (một) đôi hoa tai đều bằng kim loại màu vàng. Trong khi giao dịch mua bán T hoàn toàn không biết tài sản mình mua là do G trộm cắp mà có. Nên hành vi của Nguyễn Văn T không phạm tội.

- Bị cáo Lò Văn G sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 25B1 - 305.88 làm phương tiện phạm tội, chị Lò Thị C không biết nên không phạm tội.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ - đen, BKS: 25B1 - 305.88 do bị cáo Lò Văn G dùng làm phương tiện phạm tội, đây là xe vợ chồng bị cáo mua trả góp của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, đến thời điểm bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, bị cáo chưa thanh toán hợp đồng theo quy định, ngày 26/5/2021 Cơ quan điều tra - Công an huyện Tam Đường đã tiến hành làm việc với đại diện của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Lò Văn G là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Lò Văn G thuộc trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1,5 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lò Văn G 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đến cơ sở giam giữ để chấp hành hình phạt tù.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp nhựa hình trái tim màu vàng cam, nắp hộp có hoa văn màu vàng

Trả lại cho chị Lò Thị C: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đỏ, đen, BKS: 25B1-305.88.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T: số tiền 24.000.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 04/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đường với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn G.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi Cục THADS huyện Tam Đường;
- Công an huyện Tam Đường;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

